

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN B V

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 110/2024/HSST

Ngày 20/9/2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B V , THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Lan

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Kế

2. Bà Nguyễn Đại Huy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B V
, Thành phố Hà Nội

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B V thành phố Hà Nội tham gia phiên
tòa:* Bà Lê Thị Hạnh - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện B V - Thành phố Hà Nội xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 54/2024/HSST ngày 20/5/2024 ;Theo
quyết định tạm đình chỉ số 01/2024/QĐ – TĐC ngày 29/7/2024 ; Theo QĐ phục hồi vụ
án số 01/2024/QĐPHVA ngày 16/8/2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88
/2024/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo;

1/ Họ và tên: NGUYỄN VĂN C, sinh năm 1994 ; Nơi cư trú: Thôn Ng K, xã Ng
M, huyện L Th, Tỉnh V Ph ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12 ; Dân
tộc: Kinh; Bố đẻ: Không biết ; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L – sinh năm 1958 ; Vợ: Chưa có ;
Tiền án: Bản án số 18/2016/HSST ngày 21/3/2016, Tòa án nhân dân thị xã Ph Y (nay là
thành phố Ph Y), tỉnh V Ph xử phạt 01 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. C đã

chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/12/2016 và đã chấp hành xong các quyết định của bản án. Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 05/12/2018 và ngày 23/2/2019, C tiếp tục thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tại bản án số 69/2022/HSST ngày 19/9/2022, Tòa án nhân dân huyện L Th, tỉnh V Ph xử phạt C 02 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hiện C đang chấp hành hình phạt của bản án này tại Trại giam H C – tỉnh Y B

Hiện bị cáo Nguyễn Văn C đang bị tạm giam từ ngày 10/8/2024 Tại trại tạm giam Công an Tỉnh V Ph theo Quyết định Khởi tố bị can số 204 ngày 10/8/2024; Lệnh bắt tạm giam số 351/LB – ĐCSHS ngày 10/8/2024 của CQCSĐT Công an huyện Bình Xuyên – Tỉnh V Ph;

2/ Bị hại: Anh Hà Hồng Q – sinh năm 1997 (vắng mặt)

Chị Đinh Thị Huyền L – sinh năm 2000 (vắng mặt)

Đều địa chỉ: Xóm Nh H, T M, huyện Th S, Tỉnh Ph Th

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Viện kiểm sát nhân dân huyện B V, Thành phố Hà Nội truy tố:

Khoảng tháng 01/2019, anh Hà Hồng Q (SN: 1997; Trú tại: xóm Nh H, T M, Th S, Ph Th) cùng chị Đinh Thị Huyền L (SN: 2000; Trú tại: xóm Nh H, T M, Th S, Ph Th - là vợ của Q) đến sinh sống tại nhà ông Đinh Công H (SN: 1979; Trú tại: thôn 9, B Tr, B V, Hà Nội; là bố của chị L). Do có quen biết từ trước vì cùng chơi game online với nhau, anh Q rủ Nguyễn Văn C (SN: 1994, Trú tại: thôn Ng K, Ng M, L Th, V Ph) đến nhà ông H chơi. Ngày 14/01/2019, C đi taxi đến nhà ông H và được Q mời ở lại chơi vài ngày. Cùng ngày, do không có tiền tiêu sài, C mượn điện thoại di động của chị L gọi điện cho bà Nguyễn Thị L (SN: 1958; Trú tại: thôn Ng K, Ng M, L Th, V Phúc - là mẹ của C) để xin tiền nhưng bà L không cho. C đã mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, màu xanh dương của chị L để C sử dụng trong những ngày ở chơi tại nhà ông H. Ngày 15/01/2019, do cần tiền tiêu sài, C nảy sinh ý định sẽ chiếm đoạt tài sản

của anh Q để mang đi bán hoặc cầm cố lấy tiền. Thực hiện ý định, C nói dối với anh Q vào buổi chiều cùng ngày, mẹ C sẽ gửi tiền sang và rủ Q cùng đi lấy tiền với C. Mục đích để khi anh Q sử dụng xe mô tô chở C đi, C sẽ tìm cách chiếm đoạt xe mô tô của anh Q. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 15/01/2019, C nói dối với anh Q là anh rể của C mang tiền mẹ C gửi đến, nhờ anh Q chở C đi lấy. Anh Q đồng ý và sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, màu sơn trắng đỏ, BKS: 19C1- 131.38, số máy: JF46E4270063, số khung: 4604DY362664 (là tài sản của bà Phùng Thị Chanh; SN: 1976; Trú tại: xóm Nh H, T M, Thanh Sơn, Ph Th; là mẹ của anh Q) chở C đi. Do không biết đường ở địa bàn xã B Tr, C chỉ đường lung tung cho anh Q đi. Mục đích khi đến đoạn đường nào vắng vẻ hoặc thời cơ thuận lợi, C sẽ tìm cách chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Q. C chỉ đường cho anh Q đi đến hướng trường THPT B V thuộc địa phận xã B Tr, B V. Trên đường đi, do trời mưa nên anh Q và C dừng lại trú mưa tại quán internet do anh Đoàn Văn Tr (SN: 1970; Trú tại: thôn 6, B Tr, B V, Hà Nội) làm chủ. Sau đó, để thuận lợi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, C bảo anh Q để C điều khiển xe máy chở anh Q đi tiếp. Khi đi đến đoạn đường cách cổng trường THPT B V khoảng 300m, C bảo anh Q xuống xe đứng đợi ở lề đường để C đi lấy tiền một mình (C lấy lý do nếu anh Q đi cùng, C sợ anh rể của C không đưa tiền). Tin lời C, anh Q xuống xe đứng đợi để C điều khiển xe máy một mình đi về hướng trường THPT B V. Khi chiếm đoạt được chiếc xe mô tô của anh Q, C điều khiển xe bỏ trốn về địa bàn huyện L Th, V Ph. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, do không thấy C quay lại, anh Q mượn điện thoại của người dân, gọi điện thoại cho C theo số thuê bao 0387.696.788 lắp trên chiếc điện thoại di động của chị L mà C vẫn đang giữ. C bảo anh Q tiếp tục chờ do C đang bận nói chuyện với anh rể. Do sợ anh Q gọi tìm, trên đường bỏ trốn khi đi qua C G đến khu vực cổng trào huyện L Th, V Ph, C đã vứt bỏ chiếc điện thoại ở lề đường phải theo hướng đi huyện L Th. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, vẫn không thấy C quay lại, anh Q tiếp tục gọi điện cho C nhưng điện thoại đã tắt máy, không liên lạc được với C. Những ngày sau đó, anh Q nhiều lần gọi điện thoại cho C đều không liên lạc được. Ngày 16/01/2019, anh Q kiểm tra điện thoại di động của chị L mà C đã mượn sử dụng

để gọi cho bà Lạc vào ngày 14/01/2019, thấy còn lưu giữ số điện thoại 0912.527.223 của bà Lạc nên gọi điện thông báo cho bà Lạc biết về việc C đã chiếm đoạt chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại di động trên của anh Q. Ngày 18/01/2019, anh Q trình báo sự việc đến Đồn Công an T V, B V, Hà Nội.

Sau khi bỏ trốn về địa bàn huyện L Th, C điều khiển chiếc xe mô tô trên đến quán internet biển hiệu “Nhiệm Liên” ở TT L Th do anh Không Văn Nh (SN: 1985, trú tại: X H, L Th, V Ph) làm chủ để chơi game qua đêm ở đây. Đến chiều ngày 16/01/2019, C điều khiển chiếc xe mô tô trên đến một quán nước ven đường cạnh cửa hàng bán xăng dầu thuộc địa phận xã Đ Í, L Th, V Ph do chị Nguyễn Thị C (SN: 1989, trú tại: thôn Đ L, Đ Í, L Th, V Ph) làm chủ, để hỏi thăm người cầm cố xe. Tại đây, C gặp một người đàn ông (*C không quen biết, cao hơn 1,7m; khoảng 35-40 tuổi*) là khách ngồi uống nước. C đã thỏa thuận cầm cố chiếc xe mô tô trên cho người đàn ông này được số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng), với lãi xuất là 1.000.000 đồng/01 tháng, chỉ thỏa thuận bằng miệng. Do C không có điện thoại di động, người đàn ông này đọc cho C ghi số điện thoại vào một tờ giấy, khi nào chuộc lại chiếc xe mô tô trên để liên lạc. Do không có khả năng chuộc lại chiếc xe mô tô trên, C không gọi điện thoại cho người này lần nào; mảnh giấy viết số điện thoại của người này C cũng đã làm mất. Số tiền có được từ việc cầm cố chiếc xe mô tô trên, C đã tiêu sài hết.

Cơ quan CSĐT đã ra Yêu cầu định giá tài sản số: 43/YC-CSĐT, ngày 10/4/2019 để yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện B V xác định trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS: 19C1- 131.38 và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 trong vụ việc trên. Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 33/2019/KL-ĐGTS, ngày 23/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong TTHS huyện B V kết luận:

- *Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS: 19C1- 131.38, đã qua sử dụng có giá trị: 20.000.000 đồng.*

- *Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, đã qua sử dụng có giá trị: 200.000 đồng.*

Tổng giá trị là: 20.200.000 đồng.

*** Về vật chứng:**

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS: 19C1- 131.38, số máy: JF46E4270063, số khung: 4604DY362664, ngày 24/4/2019 cơ quan CSĐT đã ra Thông báo tìm vật chứng số 28/TB-CSĐT nhưng không nhận được thông tin về chiếc xe mô tô trên từ cá nhân, tổ chức nào.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, vỏ màu xanh: Quá trình xác định hiện trường, C nhớ lại được vị trí C vứt bỏ chiếc điện thoại trên là ở đoạn lề đường bên phải đường tỉnh lộ 305 theo hướng Cầu Gạo đi xã T L - L Th, gần cổng chào huyện L Th; thuộc địa phận thôn Đ L, Đ Í, L Th. Cơ quan CSĐT phối hợp cùng Công an xã Đ Í tiến hành truy tìm mở rộng xung quanh khu vực C tự xác định nhưng không tìm thấy.

*** Về dân sự:** Anh Hà Hồng Q yêu cầu Nguyễn Văn C phải bồi thường cho anh Q số tiền tương ứng giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS: 19C1-131.38 và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 theo quy định của pháp luật. Nguyễn Văn C chưa bồi thường cho anh Q

Căn cứ vào các tình tiết và chứng cứ nêu trên,

Tại Cáo trạng số 46/CT - VKS, ngày 08/5/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện B V, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ” theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn C thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện B V , Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội. Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B V, Thành phố Hà Nội giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” .

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174 ; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt Nguyễn Văn C từ 24 đến 30 tháng tù.

Về dân sự: Buo.....

[3] Tranh luận tại phiên tòa: Bị cáo C thừa nhận Kiểm sát viên luận tội đối với hành vi phạm tội của mình là đúng, nên không tranh luận.

[4] Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã ăn năn, hối hận và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHÂN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an , Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên của huyện B V trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại, tố cáo gì. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về hành vi vi phạm của bị cáo bị truy tố: Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo Phùng Tuấn Điệp đúng với các lời khai tại Cơ quan tra điều tra; phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, **người làm chứng**, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, như vậy HĐXX có đủ cơ sở xác định: Ngày 15/01/2019, tại xã B Tr, B V, Hà Nội, do cần tiền tiêu sài cá nhân nên Nguyễn Văn C đã dùng thủ đoạn gian dối đưa ra các thông tin sai sự thật để chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS: 19C1- 131 của anh Hà Hồng Q có giá trị tài sản là 20.000.000 đồng . Sau khi chiếm đoạt được tài sản C đã mang tài sản đi bán lấy tiền và ăn tiêu hết. Tổng số tiền C chiếm đoạt là 20.000.000đ.

Đối với chiếc điện thoại Nokia 1280 của chị Đinh Thị Huyền L căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa, L cho C mượn để lắp sim liên lạc với gia đình và C cũng không có thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt chiếc điện thoại của L nên HĐXX không xét. Tuy nhiên quá trình bỏ trốn C đã ném bỏ chiếc điện thoại nên C phải có trách nhiệm bồi thường về dân sự cho L.

Do vậy, HĐXX đã có đầy đủ căn cứ chứng minh hành vi bị cáo C thực hiện đã phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B V, Thành phố Hà Nội truy tố bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Xét hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức được Pháp luật bảo vệ.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 1 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Cụ thể: Tại Bản án số 18/2016/HSST ngày 21/3/2016, Tòa án nhân dân thị xã Ph Y (nay là thành phố Ph Y), tỉnh V Ph xử phạt 01 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. C đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/12/2016 và đã chấp hành xong các quyết định của bản án. Tuy nhiên hành vi phạm tội lần này bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích của bản án nói trên nên HĐXX xác định là tái phạm, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Nhân thân của bị cáo: Tại bản án số 69/2022/HSST ngày 19/9/2022, Tòa án nhân dân huyện L Th, tỉnh V Ph xử phạt C 02 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

[4] Hình phạt: Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo xét thấy bị cáo là người trưởng thành, đã nhiều lần bị Tòa án nhân dân đưa ra xét xử về tội danh cùng loại và phải đi chấp hành án tại các trại giam, tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học cảnh tỉnh cho bản thân, tiếp tục dần sâu vào con đường phạm tội nên HĐXX cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn không có công ăn việc làm ổn định, hiện đang bị tạm giam nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: - Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS: 19C1- 131.38, số máy: JF46E4270063, số khung: 4604DY362664, ngày 24/4/2019 cơ quan CSĐT đã ra Thông báo tìm vật chứng số 28/TB-CSĐT nhưng không nhận được thông tin về chiếc xe mô tô trên từ cá nhân, tổ chức nào nên HĐXX không xét.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, vỏ màu xanh: Quá trình xác định hiện trường, C nhớ lại được vị trí C vứt bỏ chiếc điện thoại trên là ở đoạn lề đường bên phải đường tỉnh lộ 305 theo hướng Cầu Gạo đi xã T L - L Th, gần cổng chào huyện L Th; thuộc địa phận thôn Đ L, Đ Í, L Th. Cơ quan CSĐT phối hợp cùng Công an xã Đ Í tiến hành truy tìm mở rộng xung quanh khu vực C tự xác định nhưng không tìm thấy nên HĐXX không xét.

[6] Về dân sự: Xét yêu cầu Anh Hà Hồng Q yêu cầu Nguyễn Văn C phải bồi thường cho anh Q số tiền tương ứng giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS: 19C1- 131.38 và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 của chị Đinh Thị Huyền L theo quy định của pháp luật. Nguyễn Văn C chưa bồi thường cho anh Q, chị L. HĐXX xét thấy yêu cầu của bị hại là phù hợp với thiệt hại nên buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 20.200.000đ cho anh Q và chị L là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 174 ; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Điều 38; Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho anh Hà Hồng Q số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) ; bồi thường cho chị Đinh Thị Huyền L 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng)

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn C phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.010.000đ (Một triệu không trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định Pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND H. B V;
- Công an H. B V;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. B V;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Phương Lan

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN:

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Phương Lan

